

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 670/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Ngô Kim T**, sinh năm 1981; Căn cước công dân số: 046081000901; địa chỉ: A V, phường V, thành phố H.

2. Chị **Trần Thị Lan P**, sinh năm 1995; Căn cước công dân số D; địa chỉ: A V, phường V, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H), trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị P chung sống được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn xảy ra vào đầu năm 2026. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị P.

2. Về con chung: Anh Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P xác nhận có 02 con chung tên là Ngô Tuệ M, sinh ngày 10/02/2023 và Ngô Thiên H, sinh ngày 04/5/2026. Hiện nay cháu M và cháu H **đang ở với chị P**.

Anh T1 và chị P thỏa thuận: Giao 02 con chung là Ngô Tuệ M và Ngô Thiên H cho chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh V sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí Tòa án: Anh Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000645 ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T1 và chị P đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **16** tháng **9** năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành ngày **16** tháng **9** năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P xác nhận có 02 con chung tên là Ngô Tuệ M, sinh ngày 10/02/2023 và Ngô Thiên H, sinh ngày 04/5/2026. Hiện nay cháu M và cháu H **đang ở với chị P**.

Anh T1 và chị P thỏa thuận: Giao 02 con chung là Ngô Tuệ M và Ngô Thiên H cho chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T1 không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ngô Kim T và chị Trần Thị Lan P mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000645 ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T1 và chị P đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường An Cựu;
(ĐKKH số 17 ngày 13/02/2020)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến